

Báo cáo thường niên
Annual report 2011

CAVICO
Construction
Manpower & Services



**Construction
Manpower & Services**



Tầm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi

TẦM NHÌN

Phát triển thành nhà thầu, nhà đầu tư uy tín và chuyên nghiệp.

SỨ MỆNH

Sẵn sàng đảm nhận, thực hiện các hạng mục công trình xây dựng với yêu cầu khắt khe nhất của khách hàng.

Tối đa hóa lợi nhuận cho công ty để đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, trách nhiệm cùng xã hội đào tạo, nâng cấp tay nghề cho công nhân, tạo công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, góp phần xóa đói giảm nghèo tại các địa phương nơi công ty có dự án.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Lấy chất lượng dịch vụ làm nền tảng niềm tin của khách hàng làm giá trị cốt lõi.

Mục lục

1.Thư ngỏ của chủ tịch HĐQT

2.Các cột mốc quan trọng trong chặng đường hình thành và phát triển của công ty.

2.1 Các sự kiện nổi bật trong năm 2011

3. Quản trị Doanh nghiệp

3.1.Sơ đồ tổ chức

3.2 Đại hội đồng cổ đông

3.3 Hội đồng quản trị

3.4 Ban Kiểm soát

3.5 Ban Tổng Giám đốc

3.6 Các phòng ban chức năng

3.7 Danh sách các công ty con.

4. Vận hành an toàn kinh doanh vững tiến

4.1 An toàn – sức khỏe – môi trường – chất lượng

4.2 Quản trị rủi ro.

5. Báo cáo tài chính

5.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị

5.2. Báo cáo của Ban Kiểm soát

5.3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

5.4. Báo cáo kiểm toán.

5.5. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty.

6.Nền tảng bền vững, vun đắp tương lai

6.1 Lĩnh vực hoạt động

6.2 Các hoạt động đối ngoại với nhà đầu tư

6.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

7. Hoạt động hướng đến cộng đồng.





UP 125%
success



Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý vị.

Thay mặt tập thể Cán bộ Công nhân viên Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (CMS), xin trân trọng gửi tới Quý vị cùng gia đình lời tri ân và lời chúc an khang thịnh vượng!

Như các Quý vị đã biết, năm 2011 là một năm nền Kinh tế - Chính trị thế giới có rất nhiều biến động và Việt Nam cũng không nằm ngoài những khó khăn đó. Lạm phát và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế đã càn quét để lại những vết thương nặng nề cho hầu hết các doanh nghiệp, trên tất cả lĩnh vực hoạt động.

Thích ứng; Sáng tạo; Tim tòi; Quyết liệt; Năng động với truyền thống và lòng quyết tâm cao độ, Cán bộ và công nhân CMS không những đã vượt qua được những khó khăn chung của nền kinh tế mà còn tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng một tương lai tươi sáng hơn. CMS đã và đang khai thác các thị trường xây dựng mới với những đối tác rất tiềm năng như: Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam- Vinacomin (Cho các dự án đường hầm xây dựng và khai thác các mỏ than); Bộ NN&PTNT (Cho các dự án trong điểm quốc gia xây dựng hồ thủy lợi, đập, hầm dẫn dòng...)....

Vượt qua những ảnh hưởng biến động của Kinh tế - Chính trị thế giới với thị trường lao động quốc tế do CMS cung cấp, CMS đã tiếp cận và sẽ phát triển thêm được thị trường lao động quốc tế đầy tiềm năng với nhiều những lĩnh vực công việc mang đậm chất truyền thống của CMS, là tiền đề để chuẩn bị cho một tương lai lâu

dài hơn: Kết hợp giữa Lĩnh vực xây dựng trong nước và cung cấp nhân lực cho các dự án xây dựng Quốc tế.

Năm 2011 cũng đánh dấu việc CMS từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức để đáp ứng với tình hình công việc mới, tạo ra một guồng máy hỗ trợ lẫn nhau trong SXKD và bước đầu đã đạt được thành quả tích cực.

Nhìn lại những thành tích đã đạt được, Chúng tôi cũng không thể không nhắc đến sự ủng hộ của các đối tác, bạn bè, toàn thể quý vị cổ đông và đặc biệt là sự cố gắng của toàn bộ những người lao động trong Công ty.

Với quan điểm mở rộng hợp tác để hướng tới tương lai, Chúng tôi luôn đón chào các đối tác, các Nhà đầu tư, Quý khách hàng tiềm năng cùng Chúng tôi chia sẻ những cơ hội đầu tư và kinh doanh đầy triển vọng. Sự ủng hộ và hợp tác của Quý vị là điều kiện tiên quyết cho thành công của Chúng tôi và của chính Quý vị.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Minh Phúc

Giới thiệu về công ty

Tên công ty: Công ty cổ phần Cavico xây dựng nhân lực và Dịch vụ

Tên giao dịch: CAVICO Construction Manpower and Services Joint Stock Company

Tên viết tắt: CavicoCMS.,JSC

Trụ sở chính: Số 5, khu A, TT Bảo sinh viên, Ngõ Tuổi Trẻ, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 62690742

Fax: (84-4) 62690741

Email: info@cavicocms.com

Website: www.cavicocms.com

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng)

Mệnh giá: 10.000 đồng/CP

Nơi niêm yết: HNX

Ngày niêm yết: 29/11/2010

Số lượng niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu

Ngành nghề kinh doanh

Dịch vụ xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

Dịch vụ bốc xúc đất đá mở;

Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV;

Đào tạo, hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;

Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài

(Giấy phép số: 179/LDTBXHGP ngày 18/12/2008);

Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;

Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh xi măng;

Kinh doanh gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Kinh doanh gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;

Kinh doanh kim loại và quặng kim loại: Kinh doanh sắt, thép.

Kinh doanh bất động sản.





Các cột mốc quan trọng trong chặng đường hình thành và phát triển của công ty



> 2011

Công ty được UBCK Nhà nước cấp giấy chứng nhận số 113/GCN-UBCK ngày 11/11/2011 về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

> 2010

Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), ngày 29/11/2010 cổ phiếu của Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đã chính thức chào sàn với mã chứng khoán: CMS. Tổng số cổ phiếu niêm yết là 2.500.000 cổ phiếu tương đương với giá trị là 25.000.000.000 đồng.

> 2009

Công ty đã bắt đầu triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đã được đánh giá cấp chứng nhận bởi BSI Việt Nam công nhận cấp chứng chỉ vào tháng 3 năm 2010.

> 2008

CMS đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 179/GP-BLĐTB&XH ngày 18/12/2008. Công ty đã trở thành một trong 150 doanh nghiệp được hoạt động trong ngành xuất khẩu lao động, hoàn thiện mô hình nhà thầu nhân công chuyên nghiệp đầu tiên ở Việt Nam với đối tác Nhật Bản.

> 2007

Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (CMS) được thành lập ngày 02 tháng 07 năm 2007 tiền thân là Công ty Cavico Cung ứng Nhân lực, được góp vốn bởi các cổ đông sáng lập bao gồm: Công ty Cavico Xây dựng Cầu hầm, các công ty thành viên trong hệ thống Cavico và các cổ đông là thể nhân với mức vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng.

Các sự kiện nổi bật trong năm 2011



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG – QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

1. CMS tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011.

2. CMS được UBCK Nhà nước cấp giấy số 113/ GCN-UBCK ngày 11/11/2011 về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng



PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CHI NHÁNH

3. Thành lập Công ty TNHH CMS Thăng Long

Trong tháng 02/2011, Hội đồng quản trị công ty quyết định thành lập Công ty TNHH CMS Thăng Long.

Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH CMS THĂNG LONG**
Tên giao dịch : CMS Thang Long Company Limited
Địa chỉ : Số 5, ngõ Tuổi trẻ, Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, Hà Nội
Vốn điều lệ đăng ký : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn)
Giấy chứng nhận ĐKKD số 0105156759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/02/2011.
Tỷ lệ vốn góp của CMS tại Công ty TNHH CMS Thăng Long: 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH CMS Thăng Long
Ngành nghề kinh doanh:
Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước
Xây dựng công trình dân dụng khác: Đường sắt, đường bộ, công trình công ích.
Xây dựng nhà các loại.

4. Thành lập công ty cổ phần CMS Thành Đông.

Trong tháng 10/2011, Hội đồng quản trị công ty quyết định về việc góp 51% vốn điều lệ trong Công ty Cổ phần CMS Thành Đông và Công ty Cổ phần CMS Thành Đông trở thành công ty con:

Tên công: **CÔNG TY CỔ PHẦN CMS THÀNH ĐÔNG**

Vốn điều lệ: 15 tỷ (Mười lăm tỷ đồng Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Ngành, nghề kinh doanh:

Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
Quảng cáo; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

5. Lễ công bố quyết định thành lập chi bộ CMS.

Ngày 02/07/2011 Lễ công bố Quyết định thành lập Chi bộ Đảng Công ty CMS đã được tổ chức long trọng tại hội trường lớn tòa nhà CMS.

Ngày 07 tháng 6 năm 2011 Bí thư Đảng ủy Cavico Việt Nam Bùi Quảng Hà đã ký Quyết định số 26/QĐ/ĐU-CVC. 2011 Tách chi bộ Cavico Xây dựng Cầu hầm và thành lập chi bộ Cavico Xây dựng Nhân Lực và Dịch vụ gồm 14 Đảng viên. Chỉ định BCH chi bộ CMS gồm các đồng chí

1. Đ/c Kim Ngọc Nhân – Tổng Giám đốc – giữ chức Bí thư chi bộ
2. Đ/c Trần Văn Triệu – Chủ tịch Công đoàn – giữ chức Phó bí thư chi bộ
3. Đ/c Đào Ngọc Quế - Phó Tổng Giám đốc – giữ chức Chi ủy viên



PHÁT TRIỂN KINH DOANH SẢN XUẤT

1. Dự án gia cố đường hầm vận chuyển đá nhà máy xi măng Nghi Sơn.

Ngày 11/03/2011, Công ty Cavico CMS đã ký hợp đồng thi công, gia cố vòm hầm vận chuyển đá của nhà máy xi măng Nghi Sơn theo kế hoạch xây dựng của chủ đầu tư năm 2011, thuộc xã Hải Thượng, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa. Giá trị hợp đồng 17,5 tỷ đồng. Toàn bộ khối lượng đã kết thúc vào tháng 9 năm 2012.

2. Dự án Ngàn Trươi – Cẩm Trang - Hà Tĩnh.

Đầu tháng 11/2011 Công ty Cavico CMS ký hợp đồng thi công gói thầu số 13, công trình lấy nước số 1 - tiểu công trình đầu mối hồ chứa nước Ngàn Trươi – Cẩm Trang- Hà Tĩnh.

Hợp đồng giá trị: 153 tỷ đồng

Thời gian hoàn thành dự kiến: 30/06/2012.

Ngay sau khi ký hợp đồng Cavico CMS đã tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ sư, công nhân kỹ thuật và tập kết thiết bị, vật tư triển khai, quyết tâm thực hiện thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng như với Chủ đầu tư.

3. Dự án xây dựng đường lò vận chuyển mỏ than Khe Chàm III – Vinacomin.

Công ty Cavico CMS được Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin thuộc Tập đoàn Than Khoáng Sản Việt Nam Vinacomin giao thi công đường hầm lò khai thông và sân ga mức - 300 tại Mỏ than Khe Chàm III, Mông Dương, Quảng Ninh với tổng chiều dài thi công 2970m và 14.000 m3 bê tông.

Hợp đồng có giá trị: 27 tỷ

Thời gian hoàn thành dự kiến: 30/12/2012

Theo đó, Cavico CMS đã áp dụng các biện pháp cơ giới hóa thi công bê tông chống đỡ lò đã cải thiện, nâng cao được năng suất lao động, đẩy nhanh được tiến độ thi công theo yêu cầu của chủ đầu tư.





CÔNG TÁC PHONG TRÀO, CHÍNH TRỊ:

1. Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty thăm, làm việc tại dự án Constatinne – Algeria.

Từ ngày 11 đến ngày 17/01/2011, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cavico CMS- Phạm Minh Phúc cùng Tổng Giám đốc Công ty - Kim Ngọc Nhân đã có chuyến thăm, làm việc với CBCNV và dự Hội nghị Người lao động năm 2011 của Công ty Cavico CMS tại dự án Hầm Constatinne - Algeria.

Chủ tịch HĐQT đã kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thi công của dự án, thăm nơi ăn, ở sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và công nhân. Tổ chức gặp mặt toàn thể cán bộ, công nhân dự án để thông báo tình hình hoạt động của các dự án trong nước hiện tại và tương lai.

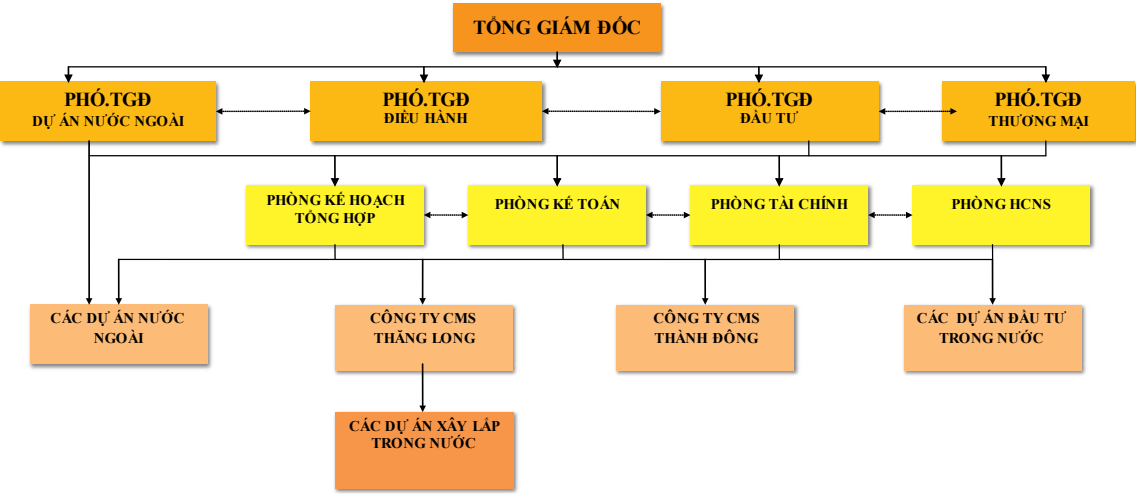
2. Duy trì chào cờ và nhắc nhở an toàn đầu tuần

Tại tất cả các dự án sản xuất của công ty, qui định chào cờ vào thứ 2 đầu tuần luôn được duy trì đối với toàn thể CBCNV dự án. Qua đó, BQLDA tổng kết công tác sản xuất tuần trước và phổ biến nội dung sản xuất trong tuần, kết hợp nhắc nhở công tác vệ sinh, an toàn lao động.



Quản trị Doanh nghiệp

3.1.SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Hiện tại, Công ty CP Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

3.2 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua kế hoạch SXKD hàng năm và tỷ lệ chia cổ tức;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

3.3 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty, theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên HĐQT



Ông Phạm Minh Phúc
Chủ tịch HĐQT



Ông Kim Ngọc Nhân
Phó CT HĐQT kiêm TGD



Ông Nguyễn Văn Phi
Thành viên HĐQT Phó TGD



Ông Hà Văn Choang
Thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Đức Phong
Thành viên HĐQT

> 3.4 BAN KIỂM SOÁT

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên BKS



Bà Nguyễn Thị Hoa
Trưởng BKS



Ông Lăng Việt Hùng
Thành viên BKS



Ông Ngô Văn Tĩnh
Thành viên BKS

3.5 BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên Ban TGD



Ông Kim Ngọc Nhân
Phó CT HĐQT kiêm TGD



Ông Đào Ngọc Quế
Phó Tổng GD



Ông Đào Tiến Dương
Phó Tổng GD



Ông Nguyễn Văn Phi
Thành viên HĐQT
Phó TGD



Ông Dương Ngọc Trường
Phó TGD



3.6 CÁC PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

- Phòng Hành chính nhân sự

- + Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản trị nguồn nhân lực; công tác quản trị hành chính, văn phòng; Thực hiện nhiệm vụ quản trị hành chính và quản trị nhân sự.
- + Tìm kiếm thị trường, mở rộng cung ứng nhân lực trên thị trường đã có;
- + Tìm kiếm các nguồn cung ứng nhân lực phù hợp với từng loại hợp đồng, thị trường; Liên hệ với các cơ sở đào tạo, các trường nghề để tạo nguồn lao động cho các dự án trong nước và quốc tế;
- + Lập hồ sơ và theo dõi các hồ sơ liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu lao động và cung ứng nhân lực;
- + Quản lý nguồn lao động ở nước ngoài, giải quyết tranh chấp xảy ra giữa người lao động và chủ dự án sở tại và báo cáo các cơ quan chức năng cùng giải quyết.

- Phòng Tài chính - Kế toán

Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của công ty, tư vấn, tham mưu cho ban Giám Đốc các chiến lược tài chính ngắn, trung hạn, dài hạn trên cơ sở các Dự án đang và sẽ triển khai; kiểm tra, giám sát tình hình, công tác tài chính kế toán để đảm bảo tuân thủ theo quy chế công ty và quy định của Pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực phản ánh đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước lãnh đạo.

- Phòng kế hoạch tổng hợp:

Quản lý kế hoạch: Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất và kế hoạch SXKD của công ty, lập kế hoạch và kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch các công trường, quản lý công tác đấu thầu; Quản lý các thủ tục nghiệm thu, thanh toán, thanh quyết toán công trình: tạm ứng hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, giá trị phát sinh, bù giá, thanh quyết toán hợp đồng.

Quản lý kỹ thuật: Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn Công trường thực hiện đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, các tiêu chuẩn và tuân thủ điều khoản chất lượng trong Hợp đồng kinh tế; Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kho học công nghệ mới trong công tác thi công để nâng cao chất lượng; Tiến độ và giảm giá thành sản phẩm.

Quản lý Thiết bị - Vật tư: Xây dựng quy chế quản lý thiết bị, các quy trình quản lý, quy trình và quy định trong vận hành và bảo dưỡng máy móc thiết bị; Giám sát việc thực hiện quy chế, quy trình, các quy định đã ban hành; Quản lý máy móc, thiết bị thi công; Biên soạn tài liệu hướng dẫn, các quy định về thợ vận hành, tổ chức đào tạo thợ vận hành và thợ sửa chữa; Tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định; Xây dựng quy chế, quy trình và các quy định quản lý vật tư; Quản lý kế hoạch cung ứng vật tư cho công trường; Quản lý vật tư, thống kê nhập xuất tồn vật tư, bảo quản, kiểm kê kho vật tư; Tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng vật tư tại công trường; Quản lý hồ sơ thanh lý các vật tư.

Tổ chức chính trị

- + Chi bộ Đảng;
- + Công đoàn;
- + Đoàn thanh niên;
- + Hội cựu chiến binh.

Tổng quản về nhân sự

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2011, công ty có tổng số là 479 người.

LOẠI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)

Phân theo trình độ học vấn

Từ đại học trở lên

02

Trình độ đại học, cao đẳng

69

Trình độ trung cấp

30

Công nhân kỹ thuật, vận hành

156

Lao động có tay nghề

252

BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ



Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc:

8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc:

Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBNV.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách lương của Công ty được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm, hệ số năng suất của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước, định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.



3.7.HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC

3.7.1. Tên Công ty: Công ty TNHH CMS Thăng Long

Được thành lập là công ty TNHH 100% vốn do CAVICO CMS đầu tư với mục tiêu sẽ triển khai thực hiện các hợp đồng xây lắp của công ty Cavico CMS trong nước và là nơi đào tạo tạo nguồn lao động cho các dự án nước ngoài của Cavico CMS.

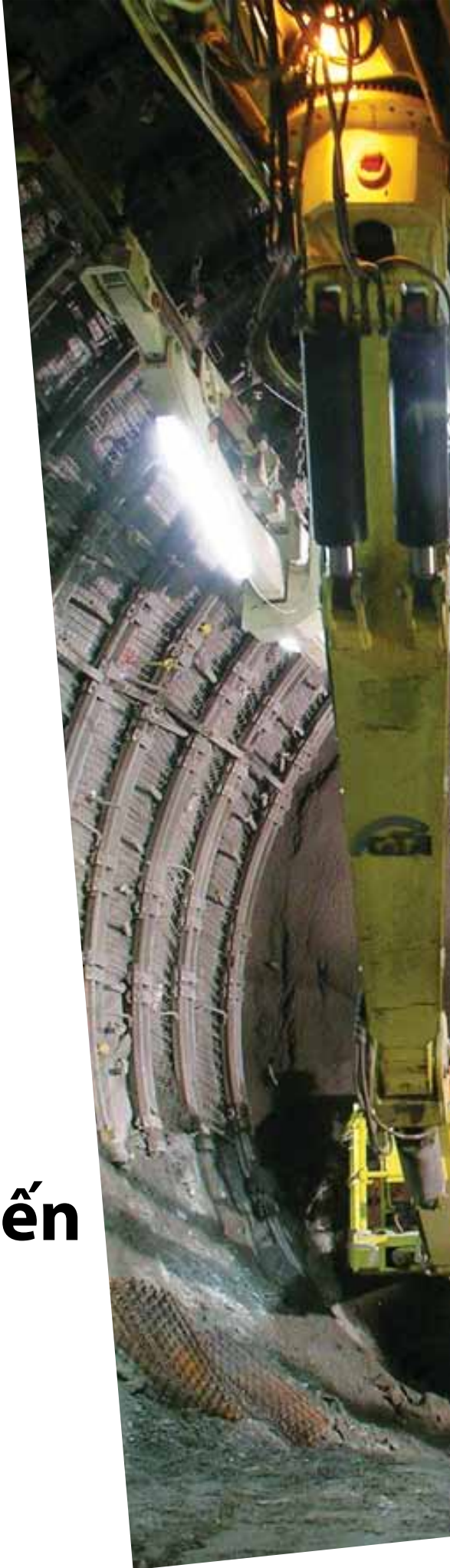
Hiện nay, CMS Thăng Long đang được giao triển khai các dự án xây lắp: thủy điện Sông Bạc, thủy lợi Ngân Trươi, xây dựng lò vận tải -300 mỏ than Khe Chàm III. Các dự án đang được triển khai theo đúng tiến độ cam kết với Chủ đầu tư.

3.7.2. Tên Công ty: Công ty Cổ Phần CMS Thành Đông

Được thành lập ngày với vốn điều lệ 15 tỷ đồng, trong đó Cavico CMS góp 51% vốn điều lệ. Mục tiêu kinh doanh chính của CMS Thành Đông là đầu tư và vận hành kinh doanh tòa nhà trung tâm thương mại Kinh Môn, Hải Dương. Ngoài ra, trên cơ sở các điều kiện thuận lợi CMS Thành Đông cũng đang quan tâm đến việc kinh doanh kho bãi tại khu vực tỉnh Hải Dương.

Vận hành an toàn Kinh doanh vững tiến

- > An toàn – Sức khỏe – Môi trường – Chất lượng
- > Quản trị rủi ro







Vận hành an toàn - Kinh doanh vững tiến

4.1 AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG – CHẤT LƯỢNG.

Năm 2011, công ty đã chú trọng “ Xây dựng văn hóa an toàn, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và bảo vệ môi trường” coi đây là trách nhiệm và quyền lợi của công ty cũng như người lao động”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, CNVLD về công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ trong các khu vực thi công có nguy cơ mất an toàn cao; đặc biệt giáo dục người lao động cần quan tâm đến các nội quy, quy trình làm việc, tự mình phòng tránh rủi ro, tai nạn, cháy nổ; hướng tới xây dựng văn hóa an toàn lao động, phòng ngừa hiệu quả tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trong năm, các Phòng/Ban/Dự án và tổ chức đoàn thể, người lao động tập trung triển khai nghiêm túc về công tác ATVSLĐ – PCCN, đó là:

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia về ATVSLĐ – PCCN;
- Tăng cường kiểm tra và giám sát các lĩnh vực, các khu vực có nguy cơ, rủi ro cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cháy nổ, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm.
- Tổ chức hoàn thiện hệ thống các văn bản thực hiện An toàn, vệ sinh lao động.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác huấn luyện và hướng dẫn thực hiện công tác ATVSLĐ – PCCN tới tất cả người lao động.

Kết quả:

- Không có vụ việc tai nạn nghiêm trọng về lao động

4.2 QUẢN TRỊ RỦI RO.

4.2.1. Rủi ro về kinh tế

Lạm phát

Do đặc thù trong hoạt động cung ứng lao động ra nước ngoài có sự tương đồng về thời hạn hợp đồng mà Công ty ký kết với đối tác nhận lao động và người lao động, yếu tố lạm phát có ảnh hưởng không lớn đến doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động này. Tuy nhiên, yếu tố lạm phát có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động thi công xây lắp của Công ty. Sự biến động bất thường của giá cả nguyên vật liệu như sắt thép, sỏi đá, xi măng, gạch hiện nay là điều đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng, chi phí giá vốn hàng bán lên cao sẽ ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch triển khai các dự án của Công ty. Nhằm giảm thiểu rủi ro về lạm phát tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào, công ty đã đàm phán những hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu dài hạn với các đối tác lớn và phối hợp với chủ đầu tư để hoàn thiện pháp lý bù giá, điều chỉnh giá cho các hợp đồng xây lắp.

Rủi ro về chính trị thế giới

Năm 2010 trở về trước, Lybia là nước có tốc độ phát triển nhanh về xây dựng và là nước thu hút hơn 13.000 lao động của Việt Nam và khoảng 80.000 lao động của Thế giới. Tuy nhiên, do biến cố chính trị lại Lybia đã khiến hàng vạn lao động của Việt Nam và Thế giới phải về nước trước thời hạn, gây thiệt hại rất lớn cho các doanh nghiệp và người lao động, đồng thời mất đi thị trường tiềm năng đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Là đơn vị hoạt động trong cùng lĩnh vực, Cavico CMS đã phải nỗ lực chuyển đổi thị trường mục tiêu sang các khu vực và thay đổi tỷ trọng ngành nghề kinh doanh để giảm thiểu rủi ro này.



4.2.2. Rủi ro về Cơ chế chính sách và pháp luật

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty. Hiện tại, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về xuất khẩu lao động như: Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 – 2020. Khi Công ty tham gia niêm yết trên TTCK, Công ty còn chịu sự tác động của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

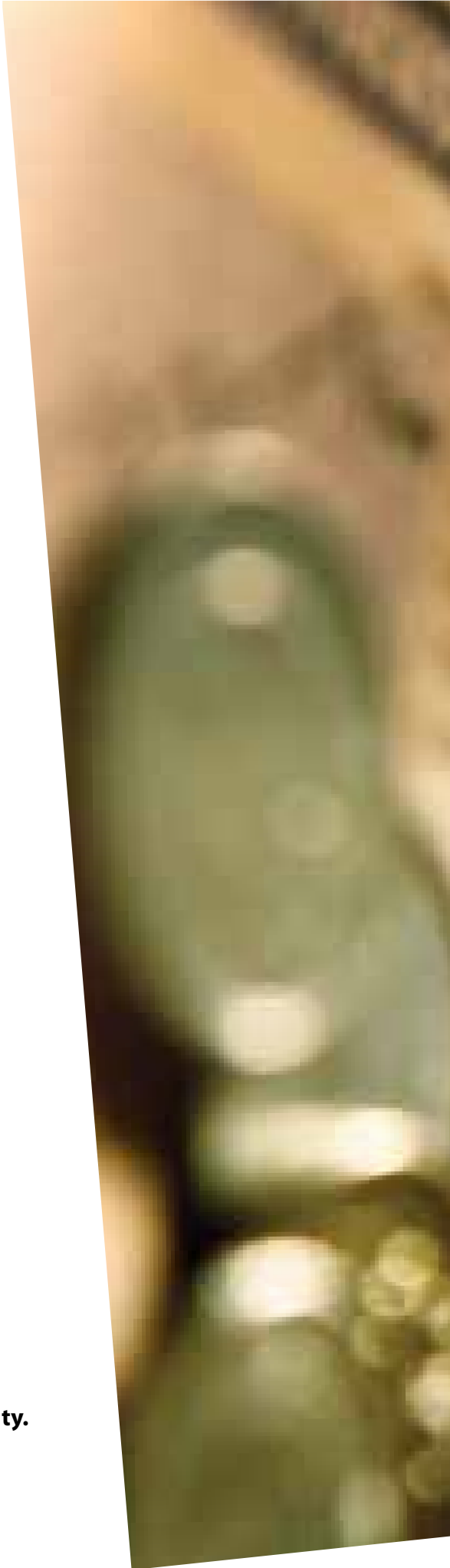
Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

4.2.3. Rủi ro khác về thương mại & tài chính

Ảnh hưởng chung của khủng hoảng tài chính toàn cầu, chính sách cắt giảm đầu tư của chính phủ và lãi suất tín dụng tăng cao; một số dự án của chủ đầu tư có thời điểm thiếu vốn, thanh toán chậm. Công ty đã chủ động kiểm soát chi phí, thúc đẩy công tác nghiệm thu và chuẩn bị đủ các nguồn vốn dự phòng đảm bảo hoạt động công ty ổn định.

Báo cáo tài chính

- > Báo cáo của Hội đồng quản trị
- > Báo cáo của Ban Kiểm soát
- > Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- > Các nhiệm vụ chính trong năm 2012
- > Hoạt động kiểm toán
- > Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty.







Báo cáo của Hội đồng quản trị

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011.

Trong năm 2011, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế và sự phát triển bền vững cho Công ty.

- Thông qua kết quả SXKD năm 2010; thông qua việc chia cổ tức, trích lập các quỹ và thưởng cho các cán bộ Quản lý; thông qua kế hoạch SXKD và tỷ lệ chia cổ tức năm 2011; thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2011; thông qua việc tăng vốn điều lệ để trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng định hướng phát triển Công ty theo mô hình cung ứng Nhân lực tại các dự án nước ngoài và các dự án trong nước.

- Điều chỉnh kế hoạch SXKD theo từng quý để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch SXKD của năm.

- Việc bầu thay thế thành viên HĐQT nhằm tăng cường công tác hỗ trợ Ban điều hành trong khâu quản lý và điều hành Công ty.

- Bổ nhiệm thêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất tăng cường năng lực quản lý cho Ban điều hành.

- Thành lập Công ty TNHH 100% vốn để quản lý và thi công các dự án trong nước.

- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần CMS Thành Đông (51%) để xây dựng và quản lý tòa nhà TTTM Kinh Môn – Hải Dương.

- Quyết định mua lại 67,1% vốn điều lệ và đưa Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây lắp Nam Việt thành công ty con.

- Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm

2011, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thời điểm phát hành tăng vốn điều lệ trong quý 4/2011 và đã đạt được tỷ lệ thành công 100%.

Trong năm 2011, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và tổ chức thực hiện quản lý theo phương pháp mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và các Cổ đông.

NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CỦA HĐQT NĂM 2012

- Định hướng sản xuất kinh doanh: Tiếp tục tăng cường phát triển và mở rộng mô hình cung cấp nhân công cho các Nhà thầu Quốc tế đang thi công tại nước ngoài và cung cấp lao động cho các đối tác Nhà thầu Quốc tế thi công các dự án trọng điểm tại Việt Nam.

- Trong năm 2012 sẽ giảm tỷ trọng xây lắp trong nước, chỉ tập trung hoàn thiện các dự án đang triển khai để hoàn thành đúng tiến độ, xác định mũi nhọn của việc triển khai các dự án trong nước là ngành than.

- Mở rộng tìm kiếm các hợp đồng xây lắp để đào tạo tay nghề cho lao động phục vụ cho hoạt động xuất khẩu lao động có tay nghề.

- Đổi tên Công ty và định vị nhận diện Công ty theo thương hiệu mới đối với các đối tác trong và ngoài nước, nhưng không làm mất đi những hình ảnh đẹp về thương hiệu đã có.

- Hình thành và phát triển hệ thống quản lý Công ty theo mô hình Công ty mẹ - con, quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hóa kết hợp với việc xây dựng một tập thể nhân viên năng động, sáng tạo và bản lĩnh, tiến tới xây dựng được một sức mạnh văn hóa doanh nghiệp đặc sắc mang dấu riêng, thể hiện bản sắc của một thương hiệu Việt, mang giá trị trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam.



Báo cáo của Ban kiểm soát

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, HĐQT Công ty đã tiến hành 6 cuộc họp, nội dung các cuộc họp của HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

+ Thông qua kết quả KHSXKD năm 2010, kế hoạch SXKD năm 2011, thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2010, kế hoạch trả cổ tức năm 2011.

+ Hàng quý tiến hành họp rà soát việc thực hiện kế hoạch và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp với tình hình SXKD trong năm.

+ Thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng vào quý III, IV/2011.

+ Thông qua một số nội dung chủ yếu khác phục vụ kịp thời cho hoạt động SXKD như: Thông qua hạn mức vay vốn cho SXKD năm 2011 tại Ngân hàng No Long Biên cho các dự án mới.

+ Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự cấp cao cho Ban Tổng Giám đốc và công tác tổ chức tại Công ty CMS và các Công ty thành viên.

Nhìn chung tại các phiên họp Hội đồng quản trị đánh giá cao sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành và người lao động trong Công ty đã đạt được một số kết quả trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch trọng yếu năm 2011; đồng thời Hội đồng quản trị đã xem xét thông qua các phương án, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh do Ban điều hành trình nhằm tháo gỡ một số khó khăn trong sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế đang gặp khó khăn như hiện nay.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 được ĐHĐCD thông qua, Công ty CP CAVICO xây dựng Nhân lực và dịch vụ đã thực hiện như sau:

+ Kế hoạch doanh thu: 167,9 tỷ đồng

+ Kế hoạch LNTT: 18,2 tỷ đồng

Kết quả thực hiện:

+ Giá trị doanh thu: 177,8 tỷ đồng đạt 106% kế hoạch năm

+ Giá trị LNTT: 14,2 tỷ đồng đạt 78% kế hoạch năm

Đánh giá hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch:

+ Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu so với kế hoạch (đạt 106%)

+ Chưa hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận so với kế hoạch đề ra (đạt 78% kế hoạch) do có sự biến động lớn về chi phí nguyên vật liệu đầu vào, trong khi đó lại chưa được Chủ đầu tư duyệt phần phát sinh giá kịp thời.

Về tình hình hoạt động tài chính

+ Về công tác kế toán: Nhìn chung, Công ty đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng Luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của Nhà nước. Báo cáo tài chính năm 2011 được lập rõ ràng, rành mạch trên hệ thống phần mềm kế toán Misa và được đánh giá qua Công ty TNHH kiểm toán DFK Việt Nam. Ban KS cũng tiến hành đối chiếu số liệu trên báo cáo kế toán với các sổ kế toán chi tiết, sổ sách Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện trên báo cáo kế toán.



+ Về công tác tài chính: Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn tín dụng, bảo lãnh cho các dự án mới. Đã lập và phân tích kế hoạch tài chính trong năm và điều chỉnh theo từng quý để phù hợp với tình hình tài chính theo từng giai đoạn cụ thể.

+ Về công tác đầu tư: Trong năm 2011 Công ty đã đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH CMS Thăng Long và Công ty Cổ phần CMS Thành Đông, đã được HĐQT thông qua.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Sản xuất.

+ Về công tác cung ứng nhân lực nước ngoài:

Tiếp tục tìm kiếm và đàm phán với các đối tác nước ngoài để phát triển mở rộng hoạt động đưa lao động có tay nghề sang làm việc tại một số nước trong khu vực. Kết quả thực hiện trong năm 2011 chưa cụ thể. Tuy nhiên, trong Q1/2012 công ty đã vừa ký được hợp đồng với đối tác là Paras Hatarmas để cung cấp lao động xây dựng cho Nhà thầu Salini, Italia tại dự án thủy điện Ulu Jelai và đang tiếp tục đàm phán cho dự án xây dựng ngầm tại thủ đô Kuala Lumpur, dự kiến hợp đồng cũng sẽ hoàn thành trong Q2/2012. Ngoài ra, công ty cũng đang đàm phán với đối tác Thái Lan để đưa lao động xây dựng sang làm việc tại dự án của họ tại Lào vào đầu Q1 năm 2013.

+ Về các dự án xây lắp trong nước:

Trong năm 2011, Công ty đã triển khai thực hiện 04 dự án trong nước là dự án Nghi Sơn giá trị hợp đồng 17,5 tỷ đồng (đã kết thúc thi công toàn bộ hợp đồng vào tháng 7/2011); dự án Thủy điện Sông Bạc với giá trị hợp đồng 192 tỷ đồng (đã thực hiện được 115 tỷ/192 tỷ hợp đồng tính đến 31/12/2011); ký mới và triển khai công tác đổ bê tông gia cố đường hầm lò của Mỏ than Khe Chàm III tỉnh Quảng Ninh với giá trị 27 tỷ đồng (đã triển khai được 12 tỷ/27 tỷ đồng tính đến 31/12/2011) và tháng 11 năm 2011, Công ty tiếp tục ký và

triển khai thi công tuynen 1 công trình Hồ chứa nước Ngàn Trươi tại tỉnh Hà Tĩnh với giá trị 153 tỷ đồng (đã thực hiện được 9,7 tỷ/153 tỷ đồng tính đến 31/12/2011).

Thị trường.

+ Cung ứng nhân lực nước ngoài:

Công ty đang tiếp xúc và làm việc với nhiều đối tác nước ngoài để tìm các hợp đồng cung ứng nhân công mới như Canada, Đài Loan, Indonexia, Malaysia, Thái Lan, Nhật Bản. Công ty cũng đã và đang phối hợp với các đối tác chào thầu một số dự án lớn như metro, hầm đường bộ, v v qua đó cũng đã ký được hợp đồng cung ứng lao động cho dự án thủy điện tại Malaysia đã có nhóm lao động đầu tiên của công ty sang làm việc trong tháng 4/2012. Ngoài ra một số dự án khác như hầm đường bộ (Đài Loan), đập thủy điện (Lào) cũng có những tín hiệu khả quan.

+ Xây lắp trong nước

Công ty tiếp tục đàm phán với chủ đầu tư là các công ty thuộc tập đoàn TKV về công tác đào lò. Dự kiến công tác đào lò cũng sẽ được triển khai trong Q2/2012 tại mỏ than Khe Chàm 3.

Nổi tiếp hợp đồng gia cố đường hầm vận chuyển Nhà máy xi măng Nghi Sơn, công ty cũng đang đàm phán với CĐT để triển khai tiếp hạng mục này theo kế hoạch của CĐT năm 2012, dự kiến công việc sẽ bắt đầu trong Q2/2012.



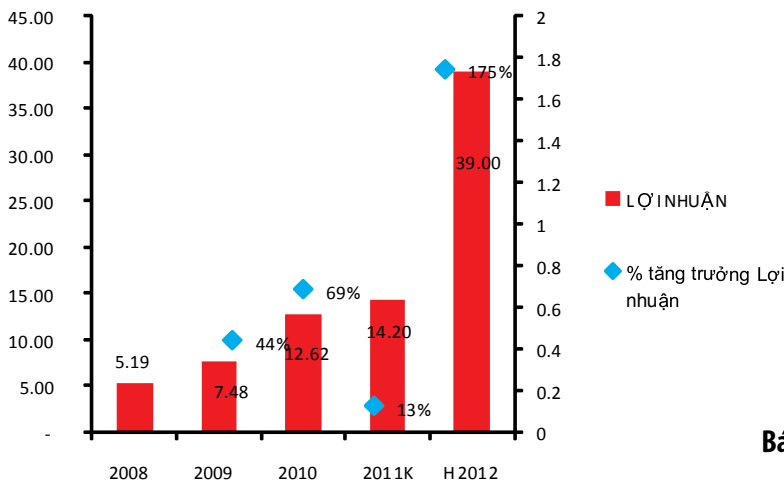
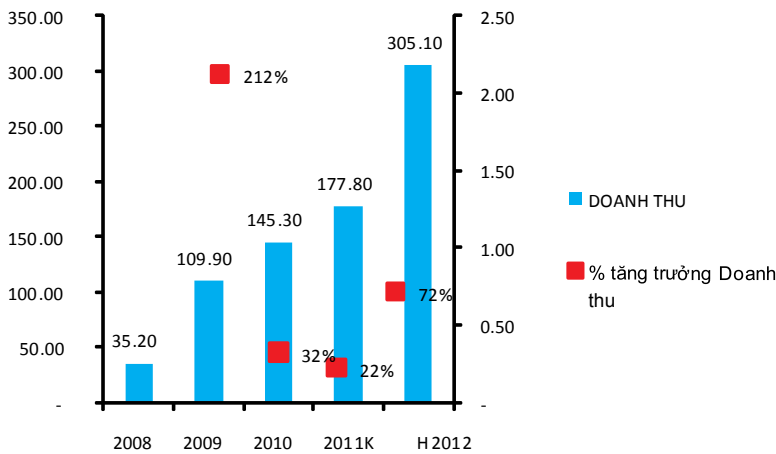
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ.

Năm 2011, công ty đã thực hiện đầu tư góp vốn & thành lập vào các công ty con: CMS Thăng Long, CMS Thành Đông và Nam Việt.

NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM. (Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm 2011)

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
Giá trị sản lượng	171,761,545,000	152,795,557,775	89%
Doanh thu	167,978,484,000	177,803,830,487	106%
Lợi nhuận trước thuế	18,232,977,000	14,204,596,857	78%

BIỂU ĐỒ THỰC HIỆN DOANH THU- LỢI NHUẬN CÁC NĂM





PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

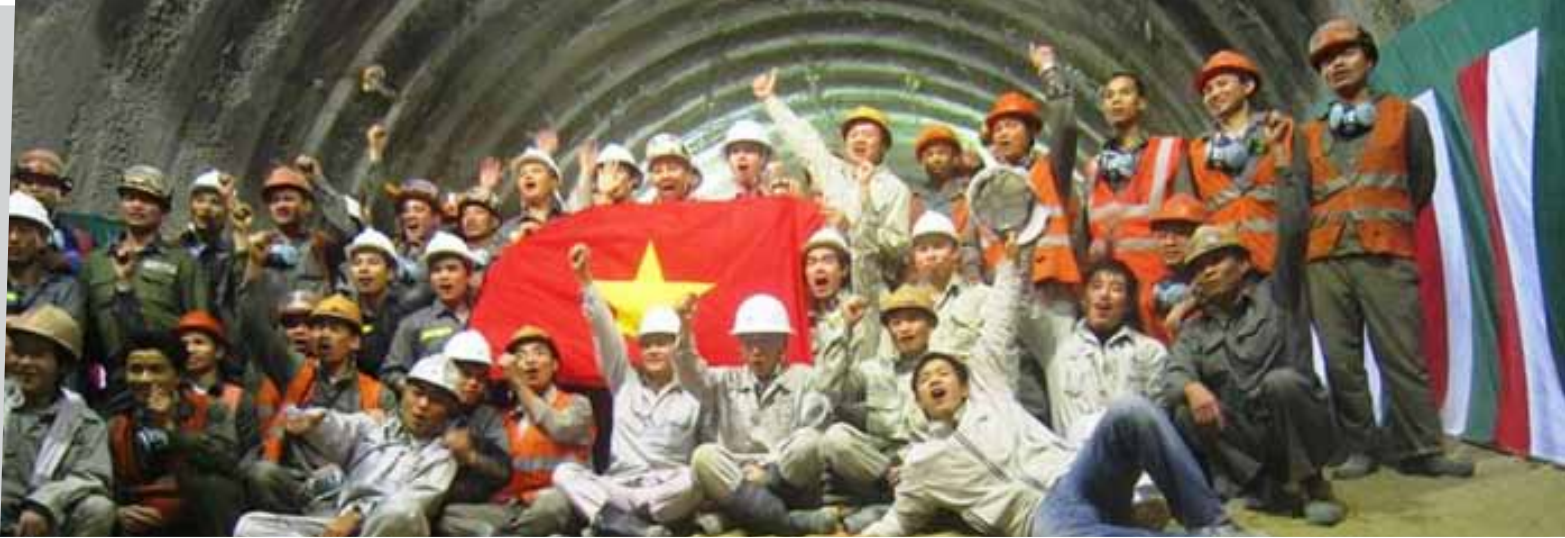
Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2010 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2011 (triệu đồng)	So sánh (%)
Tổng doanh thu	145.301	177.803	122%
Tổng giá vốn	120.073	148.691	124%
Chi phí bán hàng	4.742	3.451	73%
Chi phí QLDN	10.117	12.537	124%
Lợi nhuận từ HĐKD	12.564	14.071	112%
Lợi nhuận khác	238	132	55%
Lợi nhuận trước thuế	12.802	14.204	111%
Thuế TNDN hiện hành	3.088	2.495	81%
Lợi nhuận sau thuế	9.714	11.709	121%
Tổng giá trị tài sản cuối kỳ	119.534	155.788	130%
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	32.559	37.688	116%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	6,7%	6,6%	99%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (Đ/CP)	6.410	4.655	73%
Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	5.000	3.000	

PHÂN TÍCH HỆ SỐ PHÙ HỢP TRONG KHU VỰC KINH DOANH

- Các hệ số của doanh nghiệp Việt Nam cùng ngành hiện nay:
- + Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu: 5%
- + Thu nhập trên mỗi cổ phiếu: 4.000 đồng
- Như vậy hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành là tương đối tốt.

Tại thời điểm 31/12/2011 (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần)

- + GTSS = Nguồn vốn, quỹ/ Số cổ phần đang lưu hành = 15.075 đồng
- + Cổ tức 30%/năm



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
Giá trị sản lượng	171,761,545,000	152,795,557,775	89%
Doanh thu	167,978,484,000	177,803,830,487	106%
Lợi nhuận trước thuế	18,232,977,000	14,204,596,857	78%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD

a) Dự án Algeria: sản lượng giảm so với năm 2010 do dự án đang đi vào giai đoạn hoàn thiện, nhu cầu lao động giảm theo tiến trình dự án. Mặt khác, do sự khó khăn về tài chính, công tác thanh toán của CĐT cho COJAAL cũng chậm trễ, COJAAL đã chủ động giãn tiến độ một số hạng mục của dự án.

b) Dự án Sông Bạc: giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2011 đạt 53 tỷ Đồng, giá trị còn lại 31,8 tỷ phải hoàn thành trong năm 2012. Công ty đã chuyển việc triển khai toàn bộ dự án cho CMS Thăng Long.

c) Dự án Nghi Sơn: đã kết thúc tháng 9/2011, đang chờ CĐT quyết định triển khai kế hoạch của năm 2012.

d) Dự án Ngàn Trươi: bắt đầu triển khai từ tháng 12/2011 tại hạng mục tuynen 1, theo ủy quyền của CAVICO Việt Nam

e) Dự án Khe Chàm: đang triển khai đổ bê tông đường lò ở mức -300

Trong năm 2011, công ty đã nhận triển khai thêm 02 dự án mới: Ngàn Trươi & Khe Chàm. Đây là các dự án có triển vọng tốt về thị trường và lợi nhuận có thể cân bằng lại các chỉ số kế hoạch của công ty trong điều kiện khó khăn ở một số dự án khác như Algeria & Sông Bạc.

Một số tồn tại cũng có thể chỉ ra trong kết quả sản xuất kinh doanh: lợi nhuận kinh doanh chưa đạt theo kế hoạch, do có sự biến động của chi phí đầu vào nhân công, vật liệu, trong khi chưa được CĐT thanh toán cho chi phí phát sinh này.

Công tác tìm kiếm, triển khai các dự án nhân công nước ngoài cũng chưa được như kế hoạch, chưa phát triển được dự án mới trong năm 2011.

CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRONG NĂM 2012:

Dự án xây lắp trong nước:

+ **Dự án Sông Bạc:** đẩy nhanh hoàn thiện dự án trong năm 2012, thu hồi vốn phục vụ cho các dự án khác.

+ **Dự án Ngàn Trươi:** tập trung sản xuất và thu hồi vốn, hoàn thành dự án trong năm 2012.

+ **Dự án Khe Chàm III:** đẩy mạnh tốc độ đổ bê tông lò, phấn đấu đạt 1.000 m3 bê tông/tháng; tiếp tục đàm phán triển khai công tác đào hầm xuyên vỉa tại Mỏ than Khe Chàm III.

Cung ứng nhân lực ngoài nước:

+ **Dự án Algeria:** triển khai hợp đồng theo đúng lộ trình, tiếp cận đối tác để phát triển thị trường tại các dự án mới.

+ **Dự án Ulu Jelai:** tăng cường tuyển dụng, đào tạo lao động để đáp ứng yêu cầu của đối tác theo tiến độ.



Hoạt động kinh doanh thương mại:

Đảm bảo cung ứng các vật tư, thiết bị cho hoạt động nội tại của công ty tại các dự án xây lắp. Ngoài ra, duy trì và mở rộng sang các đối tượng khách hàng có tiềm năng tài chính khác như Tập đoàn Than & Khoáng sản, Tập đoàn Dầu khí, Điện lực...

Hoạt động đầu tư:

Hoàn thành đưa vào sử dụng tòa nhà TTTM Kinh Môn trong năm 2012.

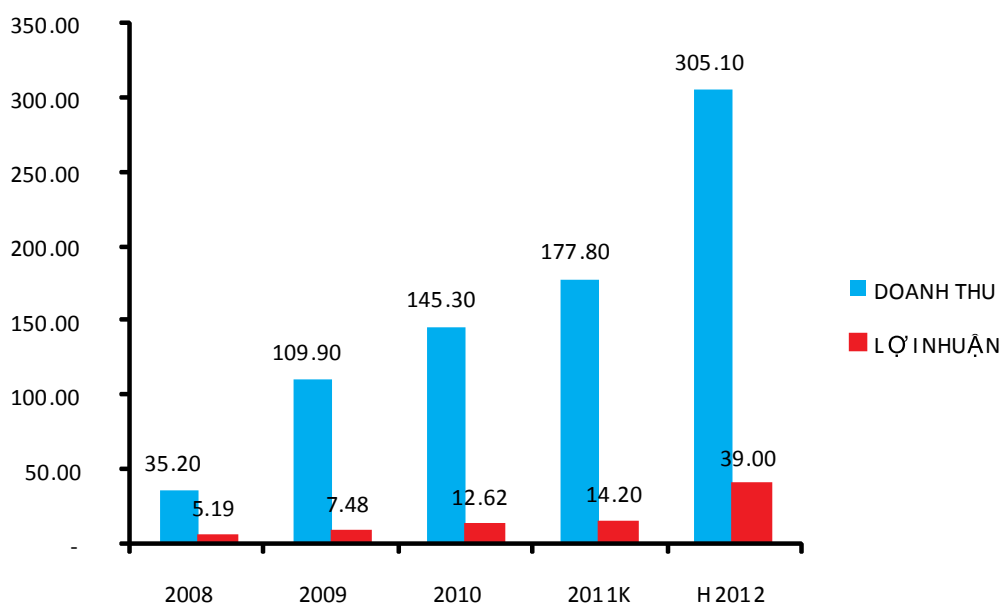
+ Hoàn thành các thủ tục đầu tư, san lấp, đền bù và giải phóng mặt bằng dự án 10ha khu TTTM kết hợp dân cư huyện Kiến Thụy.

+ Tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác.

CÁC CHỈ TIÊU KHKD NĂM 2012

	Thực hiện 2011	Kế hoạch 2012	Tỷ lệ tăng trưởng
Giá trị sản lượng:	152,795,557,775	292,887,767,040	191.69%
Doanh thu	177,803,830,487	305,091,424,000	171.59%
Lợi nhuận trước thuế:	14,204,596,857	39,009,145,000	274.62%
Cổ tức	30%	30%	

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG CÔNG TY 2008-2012





Hoạt động kiểm toán

- > Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- > Báo cáo kiểm toán độc lập



Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (tên trước khi thay đổi là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 2 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh
Số 0103018225 ngày 24 tháng 4 năm 2009	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở chính của Công ty
Số 0102307343 ngày 30 tháng 8 năm 2010	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 25 tỷ đồng và 6 tỷ đồng.

Công ty có các công ty con sau:

CÔNG TY TNHH CMS THĂNG LONG

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, ngõ Tuổi Trẻ , đường Hoàng Quốc Việt, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là xây dựng công trình.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 100% vốn.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CMS THÀNH ĐÔNG

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.
- Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ là 51% vốn.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ là 51%.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu , tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ , đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110K ;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Trong năm 2011, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng và cung ứng nhân lực.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 479 nhân viên (2010: 472 nhân viên).

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK iệt Nam, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	5 tháng 7 năm 2007	-
Ông Đặng Minh Toàn	Thành viên	5 tháng 7 năm 2007	26 tháng 3 năm 2011
Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên	5 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Đức Phong	Thành viên	29 tháng 10 năm 2008	-
Ông Chu Đình Thế	Thành viên	6 tháng 3 năm 2010	26 tháng 3 năm 2011
Ông Hà Văn Choang	Thành viên	26 tháng 3 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên	26 tháng 3 năm 2011	-

Ban Giám đốc Công ty được sửa đổi chức danh thành Ban Tổng Giám đốc theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên 2011 ngày 2 tháng 3 năm 2011.



Thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Giám đốc	9 tháng 4 năm 2008	-
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007	-
Ông Đào Ngọc Quế	Phó Giám đốc	8 tháng 12 năm 2007	-
Ông Đào Tiến Dương	Phó Giám đốc	15 tháng 1 năm 2010	-
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Giám đốc	1 tháng 9 năm 2011	-

4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ngày 18 tháng 1 năm 2012, Công ty đã hoàn tất việc mua cổ phần để trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại và Xây lắp Nam iệt.

5. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Kim Ngọc Nhân, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đại diện cho Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc bảng cân đối kế toán hợp nhất kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán iệt Nam Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



KIM NGỌC NHÂN
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ ("Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 06 đến trang 26 kèm theo, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.



PHẠM THẾ HƯNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV



NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

HÀ NỘI
Ngày 20 tháng 2 năm 2012

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
A. Tài sản ngắn hạn	100		113.151.193.059	87.938.350.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.793.155.405	3.695.141.494
1. Tiền	111	3	9.793.155.405	3.695.141.494
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	22.820.982.675	19.730.560.868
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.683.464.675	19.730.560.868
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(862.482.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.732.049.613	27.918.466.978
1. Phải thu khách hàng	131		30.455.117.694	15.447.167.987
2. Trả trước cho người bán	132		1.380.256.926	2.036.590.152
5. Các khoản phải thu khác	135	5	12.896.674.993	10.434.708.839
IV. Hàng tồn kho	140	6	28.272.980.074	29.907.848.696
1. Hàng tồn kho	141		28.272.980.074	29.907.848.696
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.532.025.292	6.686.332.210
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	2.027.552.206	802.062.987
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	2.368.040.877	3.355.862.080
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	3.136.432.209	2.528.407.143
B. Tài sản dài hạn	200		42.637.295.034	31.596.585.451
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.265.905.911	3.995.402.608
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		10.265.905.911	3.995.402.608
II. Tài sản cố định	220		30.383.666.913	23.277.410.633
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	28.016.911.611	21.186.516.097
- Nguyên giá	222		31.519.995.865	26.674.666.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.503.084.254)	(5.488.150.791)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	28.411.111	40.687.494
- Nguyên giá	228		49.000.000	49.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.588.889)	(8.312.506)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	2.338.344.191	2.050.207.042
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.191.100.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	2.191.100.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.987.722.210	2.132.672.210
3. Tài sản dài hạn khác	268	12	1.987.722.210	2.132.672.210
Tổng cộng tài sản	270		155.788.488.093	119.534.935.697

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
A. Nợ phải trả	300		117.118.863.294	86.974.982.063
I. Nợ ngắn hạn	310		98.069.137.548	68.710.060.193
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	47.952.918.577	26.614.318.142
2. Phải trả người bán	312		11.823.784.294	9.769.110.373
3. Người mua trả tiền trước	313		9.328.307.695	7.091.738.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	7.998.569.547	4.671.795.437
5. Phải trả người lao động	315		5.956.786.806	8.785.683.563
6. Chi phí phải trả	316	15	10.994.415.045	8.608.121.496
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	3.618.305.401	3.067.335.818
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		396.050.183	101.957.364
II. Nợ dài hạn	330		19.049.725.746	18.264.921.870
1. Phải trả dài hạn người bán	331		6.859.732.374	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		7.077.886.816	17.898.863.703
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	5.112.106.556	366.058.167
B. Vốn chủ sở hữu	400		37.688.539.345	32.559.953.634
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	37.688.539.345	32.559.953.634
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		877.646.070	391.905.047
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		752.819.791	267.078.768
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.058.073.484	6.900.969.819
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		981.085.454	-
Tổng cộng nguồn vốn	440		155.788.488.093	119.534.935.697

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)		880,25	6.567,15

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 2 năm 2012



KIM NGỌC NHÂN
Tổng Giám đốc



ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu	01	18	177.803.830.487	145.301.816.921
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		177.803.830.487	145.301.816.921
4. Giá vốn hàng bán	11	19	(148.691.296.610)	(120.073.262.195)
5. Lợi nhuận gộp	20		29.112.533.877	25.228.554.726
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.689.071.055	3.101.127.093
7. Chi phí tài chính	22	22	(3.740.416.633)	(905.479.727)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	(707.257.727)
8. Chi phí bán hàng	24	23	(3.451.916.535)	(4.742.047.837)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(12.537.553.097)	(10.117.388.188)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		14.071.718.667	12.564.766.067
11. Thu nhập khác	31	25	4.091.094.714	553.598.350
12. Chi phí khác	32	26	(3.958.216.524)	(315.478.423)
13. Lợi nhuận khác	40		132.878.190	238.119.927
14. Lợi nhuận trước thuế	50		14.204.596.857	12.802.885.994
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14	(2.495.317.911)	(3.088.065.518)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		11.709.278.946	9.714.820.476
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(35.788.546)	-
19. Phần lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu	62		11.740.138.975	9.714.820.476
20. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	27	4.655	6.410

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 2 năm 2012



KIM NGỌC NHÂN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2011	2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.204.596.857	12.802.885.994
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	6.795.289.053	3.739.290.443
Các khoản dự phòng	03	862.482.000	-
Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	148.318.798	(480.679.942)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.654.305.021)	(2.076.076.921)
Chi phí lãi vay	06	762.634.871	707.257.727
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.119.016.558	14.692.677.301
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(18.957.244.346)	(9.895.867.514)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.759.728.367	(21.766.802.971)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(4.282.382.630)	27.097.866.699
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.225.489.219)	238.216.394
Tiền lãi vay đã trả	13	(681.176.072)	(707.257.727)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.642.939.549)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(454.657.781)	(1.920.672.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(11.722.205.123)	5.095.220.423
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(7.773.005.322)	(19.157.401.999)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	-	108.756.318
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.280.080.817)	(26.721.707.338)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.718.277.010	9.941.146.470
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.600.000.000)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	904.000.000	1.600.000.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.308.422.085	2.011.452.281
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.122.387.044)	(33.817.754.268)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu vốn góp của chủ sở hữu	31	-	15.000.000.000
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	98.215.053.163	73.819.662.387
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(70.252.404.339)	(56.712.911.002)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(5.000.000.000)	(6.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22.962.648.824	25.606.751.385
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	6.118.056.657	(3.115.782.460)
Tiền tồn đầu năm	60	3.695.141.494	6.551.159.812
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(20.042.746)	259.764.142
Tiền tồn cuối năm	70	9.793.155.405	3.695.141.494

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 2 năm 2012



KIM NGỌC NHÂN
Tổng Giám đốc



ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (tên trước khi thay đổi là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 2 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh
Số 0103018225 ngày 24 tháng 4 năm 2009	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở chính của Công ty
Số 0102307343 ngày 30 tháng 8 năm 2010	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 25 tỷ đồng và 6 tỷ đồng.

Công ty có các công ty con sau:

CÔNG TY TNHH CMS THĂNG LONG

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.
- Ngành nghề chính của Công ty là xây dựng công trình.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 100% vốn.
- Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CMS THÀNH ĐÔNG

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
 - Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh trong lĩnh vực nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.
 - Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ là 51% vốn (Tương đương 7.650.000.000 đồng).
 - Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 51%.
- Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110K ;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Trong năm 2011, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng và cung ứng nhân lực.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát.

2.2.1. Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất

Bảng Cân đối Kế toán Hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục của bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh thì được thực hiện điều chỉnh sau khi cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - Các khoản phải thu phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất;
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh thì được thực hiện điều chỉnh sau khi cộng để hợp nhất và trình bày báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

- Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ phát sinh trong nội bộ tập đoàn;
- Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
- Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con và loại trừ các khoản giao dịch bằng tiền trong nội bộ tập đoàn.

2.3. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/200 / QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 , và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ từng công trình = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng công trình + Chi phí SXKD dở dang phát sinh trong kỳ từng công trình - Giá vốn ghi nhận trong kỳ của từng công trình

Trong đó:

Giá vốn từng công trình = Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ + Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ / Giá trị sản lượng thực hiện dở dang đầu kỳ (không bao gồm thuế GTGT) + Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ (không bao g m thuế GTGT) x Doanh thu ghi nhận trong kỳ

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tài sản	Số năm khấu hao
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - “Tài sản cố định vô hình”, ban hành theo Quyết định số 149/2001/Đ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 năm.

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn và kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị



của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí cho phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

b) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội cổ đông tháng 3 năm 2011 như sau:

• Quỹ dự phòng tài chính	5%
• Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh	5%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4%

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

(i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và

(ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

(i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;

(ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);

(iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

(i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

(iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.23. Số liệu so sánh

Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất nên số liệu so sánh là báo cáo tài chính của công ty mẹ năm trước.

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Tiền mặt	4.550.048.978	1.149.107.048
Tiền gửi ngân hàng	5.243.106.427	2.546.034.446
	9.793.155.405	3.695.141.494

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	Ghi chú	31.12.2011		31.12.2010	
		Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phần	Giá trị đầu tư
Công ty Cổ phần Cavico Khoáng Sản và Công nghiệp	HNX	139.110	1.391.100.000	-	-
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên (*)	-	-	21.990.019.323	-	17.275.538.506
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	-	-	302.345.352	-	1.404.022.362
Cho vay cá nhân khác	-	-	-	-	1.051.000.000
			23.683.464.675		19.730.560.868
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			(862.482.000)		-

(*) Thể hiện khoản cho vay ngắn hạn với mức lãi suất là từ 17,5% - 21,0%/năm. Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

5. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	4.317.539.592	6.218.905.922
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	7.613.710.342	3.946.507.084
Nguyễn Văn Hùng	401.047.545	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	119.341.901	-
Phải thu khác	445.035.613	269.295.833
	12.896.674.993	10.434.708.839

6. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Hàng mua đang đi trên đường	1.805.664.950	98.395.500
Nguyên liệu, vật liệu	3.798.994.613	778.120.460
Công cụ, dụng cụ	1.920.266.864	1.066.569.975
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.526.238.187	27.960.362.763
Hàng hóa	221.815.460	4.399.998
	28.272.980.074	29.907.848.696

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng	Phân bổ	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ sản xuất	95.809.242	2.826.883.390	(1.465.581.147)	1.457.111.485
Chi phí thuê văn phòng	571.639.852	1.743.126.955	(1.895.525.035)	419.241.772
Chi phí sửa chữa	134.613.893	77.024.000	(160.250.793)	51.387.100
Chi phí thuê Hosting	-	13.800.000	(5.750.000)	8.050.000
Phí bảo lãnh	-	97.326.563	(8.864.714)	88.461.849
Phần mềm máy tính	-	3.600.000	(300.000)	3.300.000
Chi phí bảo hiểm	-	9.545.455	(9.545.455)	-
	802.062.987	4.771.306.363	(3.545.817.144)	2.027.552.206

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	5.000.000
Tạm ứng	2.603.583.452	2.142.252.695
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	532.848.757	381.154.448
	3.136.432.209	2.528.407.143

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	22.192.562.064	3.871.761.699	610.343.125	-	26.674.666.888
Tăng trong năm	9.717.912.189	5.407.620.186	79.071.818	1.002.239.082	16.206.843.275
<u>Trong đó:</u>					
Mua mới	8.997.712.392	5.407.620.186	79.071.818	1.002.239.082	15.486.643.478
Kết chuyển từ XDCB dở dang	720.199.797	-	-	-	720.199.797
Giảm trong năm	(10.832.921.564)	(528.592.734)	-	-	(11.361.514.298)
<u>Trong đó:</u>					
Thanh lý, nhượng bán	(10.832.921.564)	(528.592.734)	-	-	(11.361.514.298)
Số dư cuối năm	21.077.552.689	8.750.789.151	689.414.943	1.002.239.082	31.519.995.865
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	4.177.983.608	97.249.654	312.917.529	-	5.488.150.791
Tăng trong năm	5.295.626.558	1.250.748.820	209.123.951	27.513.341	6.783.012.670
Giảm trong năm	(8.315.457.716)	(452.621.491)	-	-	(8.768.079.207)
<u>Trong đó:</u>					
Thanh lý, nhượng bán	(8.315.457.716)	(452.621.491)	-	-	(8.768.079.207)
Số dư cuối năm	1.158.152.450	1.795.376.983	522.041.480	27.513.341	3.503.084.254
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	18.014.578.456	2.874.512.045	297.425.596		21.186.516.097
Số dư cuối năm	19.919.400.239	6.955.412.168	167.373.463	974.725.741	28.016.911.611

10. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	49.000.000	49.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	49.000.000	49.000.000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	8.312.506	8.312.506
Khấu hao trong năm	12.276.383	12.276.383
Số dư cuối năm	20.588.889	20.588.889
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	40.687.494	40.687.494
Số dư cuối năm	28.411.111	28.411.111

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển sang tài sản/ công cụ, dụng cụ	Số dư cuối năm
Sửa chữa máy móc thiết bị	2.050.207.042	-	(845.059.542)	1.205.147.500
Chi phí xây dựng thương hiệu	-	105.075.000	-	105.075.000
Dự án xây dựng trung tâm thương mại Kinh Môn	-	1.028.121.691	-	1.028.121.691
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.028.121.691	-	1.028.121.691
	2.050.207.042	1.133.196.691	(845.059.542)	2.338.344.191

12. Tài sản dài hạn khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Ký cược, ký quỹ bảo lãnh	1.987.722.210	2.132.672.210
	1.987.722.210	2.132.672.210

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	3.355.862.080	13.609.697.175	(14.597.518.378)	2.368.040.877
	3.355.862.080	13.609.697.175	(14.597.518.378)	2.368.040.877
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	14.990.088.709	(14.990.088.709)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	22.488.468	-	22.488.468
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.001.268.746	2.495.317.911	-	5.496.586.657
Thuế xuất nhập khẩu	20.265.442	-	(20.265.442)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.650.261.249	1.501.711.402	(675.771.441)	2.476.201.210
Các loại thuế khác	-	78.923.157	(78.923.157)	-
Các khoản phí, lệ phí	-	6.493.212	(3.200.000)	3.293.212
	4.671.795.437	19.095.022.859	(2.422.178.599)	7.998.569.547

CÔNG TY CAVICO XÂY DỰNG NHÂN LỰC VÀ DỊCH VỤ

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

13.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2011	2010
Lợi nhuận thuần trước thuế	14.272.884.307	12.802.885.994
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi	125.185.185	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá	-	(275.335.922)
- Cổ tức được chia	(139.110.000)	(175.288.000)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	14.258.959.492	12.352.262.072
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	14.258.959.492	12.352.262.072
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	3.564.739.873	3.088.065.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (30%)	(1.069.421.962)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.495.317.911	3.088.065.518
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	3.001.268.746	2.556.142.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	(2.642.939.549)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	5.496.586.657	3.001.268.746

13.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26. Chi phí khác

Nội dung	2011	2010
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	3.132.327.638	55.146.124
Giá trị vật tư thanh lý	307.939.962	-
Chi phí vận chuyển	218.245.932	207.666.345
Chi phí xăng dầu	40.361.357	51.470.674
Chi phí khác	259.341.635	1.195.280
	3.958.216.524	315.478.423

27. Lãi cơ bản trên cổ phần

Nội dung	2011	2010
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	11.740.138.975	9.714.820.476
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	11.740.138.975	9.714.820.476
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	2.500.000	1.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	21.919	515.630
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	2.521.919	1.515.630
Lãi cơ bản trên cổ phần	4.655	6.410

28. Các cam kết

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có cam kết liên quan đến việc góp vốn đầu tư với Công ty TNHH CMS Thăng Long và Công ty Cổ phần CMS Thành Đông với số tiền tương ứng ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là khoảng 6 tỷ đồng và khoảng 7,6 tỷ đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị vốn Công ty còn phải góp theo cam kết đối với Công ty TNHH CMS Thăng Long và Công ty Cổ phần CMS Thành Đông là 6 tỷ đồng và 6,54 tỷ đồng.

29. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính Hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và cho năm kết thúc cùng ngày được phê chuẩn để phát hành ngày 20 tháng 2 năm 2012.



KIM NGỌC NHÂN
Tổng Giám đốc



ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng



Thông tin cổ đông / Thành viên góp vốn và Quản trị công ty



SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TOÁN TRƯỞNG TẠI THỜI ĐIỂM THÁNG 12/2011.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %/Tổng CP
Hội đồng quản trị			593.137	23.72%
1	Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT	319.643	12.78%
2	Hà Văn Choang	Thành viên HĐQT	17.000	0.68%
3	Nguyễn Văn Phi	Thành viên HĐQT	11.734	0,47%
4	Nguyễn Đức Phong	Thành viên HĐQT	37.787	1,51%
5	Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	206.973	8.27%
Ban Kiểm soát			17.630	0.47%
1	Nguyễn Thị Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	116.200	4,65%
2	Lăng Việt Hùng	Thànhviên BKS	1.430	0,06%
3	Ngô Văn Tĩnh	Thành viên BKS	0	0%
Ban Tổng Giám đốc			716.314	28.64%
1	Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	206.973	8.27%
2	Đào Ngọc Quế	PhóTổng Giám đốc	18.915	0,76%
3	Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	12.319	0.49%
4	Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	466.373	18.65%
5	Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	11.734	0,47%
Kế toán trưởng			7.800	0,31%
1	Đinh Thị Thủy	Kế toán trưởng	7.800	0.31%



CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN.

Cổ đông/ thành viên góp vốn nhà nước: Không có.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2011

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	119	2,479,700	24,797,000	99.19
1	Cổ đông tổ chức	2	13,587	135,870	0.54
2	Cổ đông cá nhân	117	2,466,113	24,661,130	98.64
II	Cổ đông nước ngoài	2	20,300	203,000	0.81
1	Cổ đông tổ chức	0	-	-	0.00
2	Cổ đông cá nhân	2	20,300	203,000	0.81
	Tổng cộng	121	2,500,000	25,000,000	100.00



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY (TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2011)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Người đại diện	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (ng- hìn đồng)	Tỷ lệ/ VĐL
Đào Tiến Dương	Số 1/1/10, ngõ 1 phố Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội		012919866	466.373	4.663.730	18.65%
Phạm Minh Phúc	Phòng 305, CT 1, Khu đô thị Mỹ Đình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.		012936412	319.643	3.196.430	12.78%
Kim Ngọc Nhân	P1701 - CT 1, KĐT Mỹ Đình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội.		024572465	206.973	2.069.730	8.27%
TỔNG CỘNG				992.989	9.929.890	39.7%



Nền tảng bền vững, vun đắp tương lai

- > Lĩnh vực hoạt động
- > Các hoạt động đối ngoại với nhà đầu tư
- > Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Báo cáo của Hội đồng quản trị



CUNG ỨNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng nhân lực và dịch vụ được Bộ lao động thương binh và xã hội cấp phép hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài số 179/BLĐTBXH-GP ngày 18/12/2008. Công ty cung ứng lao động theo các hình thức sau:

- Cung ứng lao động theo mô hình tự quản lý, điều hành cho các dự án xây dựng hạ tầng, dân dụng như cầu, đường, hầm, nhà xưởng;

- Cung cấp lao động theo hình thức cung ứng nhân lực truyền thống như lao động xây lắp, giúp việc, nhân viên cho ngành du lịch, khách sạn. Trong mô hình cung ứng lao động theo hình thức tự quản lý và điều hành, Công ty Cavico CMS sẽ chủ động đàm phán ký kết hợp đồng cung ứng với đối tác và chủ động điều động bố trí lao động phù hợp. Nhờ đó, đối tác sử dụng lao động sẽ được đảm bảo về số lượng, chất lượng lao động cũng như công tác quản lý điều hành. Mô hình này đang được Công ty triển khai rất thành công ở Algieria và đang chuẩn bị phát triển cho các thị trường, Malaysia, Lào và một số nước khu vực. Dự án này đã được đối tác, người lao động và các cơ quan quản lý lao động đánh giá cao về mô hình và quy mô tổ chức. Dự án cũng vinh dự được đón tiếp Nguyên phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đến thăm năm 2009 và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam, thông tấn xã Việt Nam tại Algieria đến thăm hàng năm.

Một số dự án về cung ứng nhân lực Công ty dự kiến triển khai trong thời gian tới:

- Dự án đường hầm giao thông tại Malaysia:

- Đối tác: Gamuda Berhad
- Dự kiến khởi công: Tháng 9/2012, thời gian thực hiện 9 năm, tổng số lao động yêu cầu khoảng 13,000 người. CMS đang hợp tác với đối tác để thực hiện phần đào hầm với số lượng lao động yêu cầu khoảng 300 người.

- Dự án hầm đường bộ Hualien:

- Đối tác: Kajima Corp
- Dự kiến khởi công vào tháng 3 năm 2012; địa điểm tại phía bắc đảo Sumatra, Indonesia. Công suất 174MW. Số lượng nhân công cho hạng mục thi công hầm yêu cầu khoảng 400 người.

- Dự án nhà ở Kuwait:

- Đối tác: Paras Hatamas Sdn Bhd
- Đây là dự án thủy điện lớn của Malaysia, dự án nằm trên cao nguyên Cameron, tổng công suất lắp máy 372MW, công việc bao gồm xây dựng 26km đường hầm, 800,000m³ bê tông RCC và nhà máy ngầm trong vật tư. Thời gian thực hiện dự án đến năm 2016. Số lượng lao động yêu cầu khoảng hơn 300 người. Hiện tại, CMS đã ký kết hợp đồng với đối tác và đã bắt đầu triển khai đưa lao động sang làm việc.

Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện tại, ở Việt Nam có khoảng 150 đơn vị được cấp phép cung ứng nhân lực, trong đó có một số đơn vị hoạt động khá hiệu quả như: Simco, Vinaconex và Constrexim. Các đơn vị này thực hiện tuyển dụng, đào tạo và đưa người đi lao động nước ngoài theo cách truyền thống. Qua thời gian triển khai cung ứng lao động theo phương án trọn gói tự quản lý của công ty tại dự án đường cao tốc Đông Tây, Algieria đã chứng tỏ được ưu thế của hình thức này. Trên cơ sở những ưu việt của phương án trên, công ty đang áp dụng cho dự án thủy điện Ulu Jelai tại Malaysai, bước đầu đã được đối tác đánh giá tốt.

THI CÔNG XÂY LẮP CÔNG TRÌNH

Công ty cổ phần Cavico CMS đã mạnh dạn đầu tư công nghệ thiết bị từ các hãng nổi tiếng trên thế giới phát triển trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình hạ tầng. Công ty đã ký hợp đồng xây lắp hạng mục: thi công hạng mục tuyến năng lượng Nhà máy thủy điện Sông Bạc công suất 42MW tại huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang; Sửa chữa gia cố đường hầm vận chuyển đá nhà máy xi măng Nghi Sơn – Thanh Hóa; Xây dựng hầm lò, đổ bê tông lò mỏ than Khe Chàm – Quảng Ninh; Thi công tuynen số 1 công trình đầu mối Hồ chứa nước Ngàn Trươi – Cẩm Trang- Hà Tĩnh...



Một số dự án Công ty đang triển khai:

Dự án thủy điện Sông Bạc:

- Nội dung công việc: Thi công tuyến năng lượng, nhà máy.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thủy điện Sông Bạc
- Giá trị hợp đồng: 192,5 tỷ đồng
- Thời hạn hợp đồng: 27 tháng

Dự án xây dựng Hầm lò than Khe Chàm III

- Nội dung công việc: Thi công đường hầm khai thông và sân ga tại Mỏ than Khe Chàm III, Mông Dương, Quảng Ninh.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Than Khe Chàm - Vinacomin.
 - Giá trị hợp đồng: 27 tỷ đồng.
 - Thời hạn hợp đồng: 01 năm.

Dự án Ngàn Trươi

- Nội dung công việc: Công trình lấy nước số 1 – tiểu công trình đầu mối Hồ chứa nước Ngàn Trươi – Cẩm Trang- Hà Tĩnh
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4.
 - Giá trị hợp đồng: 153,133 tỷ đồng
 - Thời hạn hợp đồng: 01 năm

Vị thế của Công ty trong ngành

Cavico CMS là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình xây dựng cơ bản, đường, cầu, hầm, các nhà máy điện. HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty là những người có trình độ, năng lực; đã tham gia các hoạt động xây lắp các dự án trọng điểm của đất nước

6.1.3 Hoạt động đầu tư

Một số dự án dự kiến triển khai trong thời gian tới:

Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà trung tâm thương mại Kinh Môn – Hải Dương:

Tổng giá trị đầu tư khoảng 35 tỷ, cụ thể:

- Địa điểm: Phố Cộng Hòa, Thị trấn Kinh Môn, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.
- Quy mô dự án: đầu tư xây dựng và kinh doanh tòa nhà 8 tầng và 1 tầng hầm theo các phương thức: cho thuê, chuyển nhượng mặt bằng cho các đối tác có nhu cầu và tự tổ chức kinh doanh của tòa nhà.
- Thời gian thực hiện: Năm 2012.

Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư thương mại Minh Tân, Kiến Thụy - Hải Phòng:

Đang trong quá trình nghiên cứu.

- Quy mô dự án:

Đầu tư xây dựng khu dân cư thương mại Minh Tân, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng với qui mô 10ha; trong đó bao gồm trung tâm thương mại, khu phố dân cư, công viên cây xanh,...

- Thời gian thực hiện: khoảng 3 năm từ năm 2013.

Vị thế của Công ty trong ngành

Cavico CMS là nhà đầu tư nhỏ và mới tham gia trong lĩnh vực bất động sản. Mục tiêu của công ty là các dự án với qui mô vừa có gắn liền với nhu cầu dân sinh của phân khúc thị trường có thu nhập trung bình tại các khu vực thi trấn xa trung tâm lớn

DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Với lợi thế dựa trên mối quan hệ với các nhà sản xuất lớn, CMS có đầy đủ khả năng cung cấp, cho thuê các thiết bị chuyên dụng: cầu, máy khoan, máy đào, máy nén khí, phát điện cấp pha phục vụ cho các hạng mục thi công xây lắp cầu, hầm, gia cố nền móng. Ngoài ra công ty cũng có khả năng cung cấp các loại vật liệu khác như xi măng, sắt thép và các phụ gia xây dựng khác

Tổng kết tình hình hoạt động của công ty:

Qua gần 5 năm hoạt động, phát huy hơn nữa lợi thế đội ngũ nhân lực có tay nghề cao, tuổi đời trẻ, phối hợp được nguồn lao động trong và ngoài nước, cùng thế mạnh về tài chính từ thặng dư kinh doanh, khẳng định được thương hiệu riêng trong lĩnh vực xây lắp và cung ứng nhân lực quốc tế. CMS đã nhận thêm các hạng mục công trình lớn và yêu cầu năng lực cao như thủy điện Sông Bạc, thủy lợi Ngàn Trươi, lò vận chuyển mỏ than Khe Chàm III. Ngoài ra, CMS đã bắt đầu tham gia vào một số dự án đầu tư tiềm năng như trung tâm thương mại Kinh Môn, khu dân cư thương mại Kiến Thụy.



> CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Với mục tiêu tăng cường quan hệ hợp tác, đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ, xúc tiến đầu tư thương mại đối với các nhà đầu tư cả trong và ngoài nước, công ty tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin công ty:

Đối với cổ đông và người lao động:

CMS tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011

Ngày 26/3/2011, công ty đã tổ chức thành công đại hội cổ đông thường niên năm 2011, qua đó các cổ đông cũng nắm được thông tin về định hướng, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty cũng cố gắng thông tin kịp thời các nội dung liên quan đến hoạt động của công ty qua các phương tiện thông tin đại chúng và website của công ty tại www.cavicocms.com

Đối với các đối tác trong nước và quốc tế:

Trong năm 2011, công ty cũng đón tiếp rất nhiều các đoàn lãnh đạo các tập đoàn xây dựng lớn trên thế giới như Kajima Corporation, Gamuda Berhad, Ultra E&C, CMC di Ravenna đến làm việc về phương hướng hợp tác ở các dự án trong và ngoài nước như các dự án metro ngầm tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và các thành phố trong khu vực; các dự án hầm đường bộ trên các tuyến đường cao tốc Ninh Bình – Thanh Hóa, thủy điện tại Lào, Malaysia, v.v

> ĐÁNH GIÁ VỀ SỰ PHÙ HỢP ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY VỚI ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGÀNH, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VÀ XU THẾ CHUNG CỦA THẾ GIỚI

Trong thời gian tới, Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ vẫn tiếp tục tập trung vào hoạt động sản xuất với hai lĩnh vực chính cung ứng nhân lực và xây dựng. Với định hướng này, Công ty sẽ phát huy được kinh nghiệm và uy tín của mình trong lĩnh vực cung ứng nhân lực ngành xây dựng. Đồng thời, đây cũng là hướng phát triển phù hợp với tình hình phát triển hiện nay ở trong nước và thế giới. Với việc tham gia đấu thầu cung ứng nhân lực cho các dự án tại nước ngoài, Công ty sẽ có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh ở nhiều thị trường và giảm mức độ cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Mặt khác, thông qua các cơ hội hợp tác kinh doanh với đối tác nước ngoài, Công ty sẽ có thêm cơ hội học hỏi kỹ thuật và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp nhân lực và thi công xây lắp. Ngoài ra, tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm các dự án đầu tư tiềm năng để thực hiện trong điều kiện phù hợp với năng lực của công ty.

Đối với cung ứng lao động

Xuất khẩu lao động là một chủ trương của Nhà nước, nhằm xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ổn định đời sống cho nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Đây cũng là vấn đề được cả xã hội quan tâm. Trong những năm trở lại đây, bình quân mỗi năm cả nước có khoảng gần 100.000 người đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, tiềm năng lao động của Việt Nam còn rất dồi dào.

Xuất phát từ mô hình cung ứng lao động tại dự án Algeria, công ty đang tiếp tục đàm phán và triển khai sang các dự án mới tại các nước trong khu vực như Malaysia, Lào.

Để đạt được mục tiêu trên, Công ty đã đề ra và từng bước thực hiện các giải pháp như:

- Tiến hành cân đối nguồn nhân lực và tài chính để nâng cao hiệu quả, tiết kiệm chi phí phù hợp với tình hình thực tế.
- Tiếp tục sàng lọc, tuyển dụng và đào tạo nhân sự cho các dự án mới. Tổ chức quản lý tốt theo mô hình quản lý của công ty tại dự án nhằm tạo uy tín với đối tác, nâng cao năng suất lao động, doanh thu của công ty và thu nhập cho người lao động.



- Tìm kiếm và đàm phán các hợp đồng có tiềm năng tạo nguồn việc trong tương lai duy trì được mức độ ổn định và tăng trưởng của công ty..

Đối với hoạt động xây lắp

Công ty tiếp tục tập trung vào lĩnh vực thi công hầm thủy điện vừa và nhỏ, tháp điều áp, giếng đứng các nhà máy thủy điện, các dự án cầu vừa và nhỏ, đào hầm xuyên vỉa, đào giếng đứng cho các dự án khai thác than và sửa chữa gia cố các đường hầm giao thông, đường hầm vận chuyển đá... Đây là các dự án sẽ mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt cho Công ty, đồng thời cũng là môi trường đào tạo tay nghề phục vụ cung ứng lao động cho các đối tác nước ngoài.

Hoạt động hướng đến cộng đồng

Xuất khẩu lao động là một chủ trương của Nhà nước, nhằm xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ổn định đời sống cho nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Đây cũng là vấn đề được cả xã hội quan tâm. Trong những năm trở lại đây, bình quân mỗi năm cả nước có khoảng gần 100.000 người đi xuất khẩu lao động. Mục tiêu thiết thực của công ty trong hoạt động hướng đến cộng đồng là tạo thêm công việc cho lao động nơi dự án của công ty hoạt động. Công ty cũng tăng cường tìm kiếm đào tạo tay nghề cho lao động tại các địa phương nghèo, lao động là dân tộc thiểu số có cơ hội đi làm việc tại nước ngoài để nâng cao đời sống xóa đói, giảm nghèo..

Công ty đã ký kết hợp đồng với một số trường nghề và tham gia tuyển dụng lao động tại hội chợ việc làm và các trường đại học, cao đẳng nghề. Đồng thời, Công ty cũng mời đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm tại các trường nghề để dạy bổ túc tay nghề và xét thi đánh giá lại bậc thợ cho đội ngũ công nhân sau một thời gian làm việc tại Công ty. Chính vì vậy mà chất lượng lao động của Công ty luôn được đảm bảo, được các đối tác trong và ngoài nước đánh giá cao.







Construction Manpower & Services

Trụ sở chính : Số 5, khu A, TT Bảo sinh viên, Ngõ Tuổi Trẻ, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.
Điện thoại : (84-4) 62690742/43
Fax : (84-4) 62690741
Email : info@cavicocms.com
Website: www.cavicocms.com

